

Số: 7877/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 20/9/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		623	Giảm (31,2%)	41.510**
Đang điều trị (20.179)	<i>Tầng 3</i>	22	Tăng (22,2%)	189
	<i>Tầng 2</i>	369	Giảm (22,6%)	5.153
	<i>Tầng 1</i>	556	Giảm 41,9%)	7.018
	<i>Khác</i>			7.819
Khỏi bệnh*		558	Giảm (22,8%)	20.943
Tử vong*		06	Giảm (25,0%)	388

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

**Hiệu chỉnh 35 ca bệnh trùng ngày 19/9: Biên Hòa (19), Nhơn Trạch (12), Vĩnh Cửu (04); chuyển 3 ca từ ngoại tỉnh sang Thống Nhất sau khi điều tra dịch tễ.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	28.098	Tăng (18,7%)	2.761.624
Dương tính	1.589 (623 ca mới, 966 theo dõi điều trị)	Tăng (67,7%)	91.390
Âm tính	26.022	Tăng (16,8%)	2.670.234

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 03 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa.

- Trong ngày có 1.589/28.098 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 5,6%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	455	10.559	18.435	28.994
Cách ly tại nhà	96	11.270	53.368	64.638
Theo dõi sức khỏe	259	4.748	21.324	26.072

Trong ngày: 435 F1 (cộng dồn 18.193), 33 F2 (cộng dồn 31.041)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.683 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 22 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.661 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 00 ca, lũy kế 1.780 ca F0/140.308 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T
- DN có F0 trong ngày: 00 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 63/1.122 tổng số DN thực hiện 3T.
- Điều trị khỏi: 1.275/1.780 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 71,63%
- Đang điều trị: 505 ca, chiếm 28,37%.
- Số doanh nghiệp 3T có ca F0 đang điều trị 31/61 Doanh nghiệp.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 41.482 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 588 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 06 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 149 ca là phụ nữ đang mang thai, 910 ca dưới 5 tuổi, 767 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 55 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

- + 01 ca ECMO
- + 54 ca thở máy xâm lấn
- 454 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);
- 2.931 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 8.975 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trống 7.672 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 6.350 giường (trống 1.191 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trống 221 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 623 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 03 ca sàng lọc trong cộng đồng, 495 ca trong khu phong tỏa và 125 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 03 ca trong cộng đồng: ghi nhận qua xét nghiệm sàng lọc cơ sở y tế tại BVĐK Thống Nhất ngụ tại phường Tân Phong – Biên Hòa.

+ 495 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại các phường Bửu Hòa (88), Long Bình Tân (37), Quang Vinh (36), Tam Phước (28), Tân Hiệp (22), Tân Vạn (21) Tân Biên (20) – Biên Hòa; thị trấn Hiệp Phước (59) – Nhơn Trạch; xã Bắc Sơn (35), Sông Trầu (34), Hồ Nai 3 (28) – Trảng Bom; xã Thạnh Phú (45) – Vĩnh Cửu.

- Hiện còn 128 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR. Trong đó: Nhơn Trạch (77), Trảng Bom (38), Long Thành (13); các phòng xét nghiệm ghi nhận 487 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Nhơn Trạch 336, Biên Hòa 105 (08 trường hợp test nhanh dương tính), Xuân Lộc 01, Định Quán 01;

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 02 tàu, 31 người.

- Cộng dồn: 1.126 tàu, 21.051 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9 (từ ngày 17/9/2021)

- **Tổng số tiêm trong ngày: 4.158 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 2.510 người; Mũi 2: 1.648 người.

- Tiến độ theo Kế hoạch: Đợt 7 đạt 97,65%; Đợt 8 đạt 101,19%

- Số liều vắc xin còn lại: 12.494 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **1.862.564 liều** vắc xin COVID-19 cho **1.756.690 người** (chiếm tỉ lệ **77,93%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có 105.874 người đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ 4,70%).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021**. Từ ngày 16/9/2021 đến hết ngày 19/9/2021 tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo tại Công văn số 10569/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 03 ca trong cộng đồng ngụ tại phường Tân Phong – Biên Hòa qua xét nghiệm sàng lọc cơ sở y tế tại BVĐK Thống Nhất.

- Các ca nhiễm ghi nhận trong khu phong tỏa có xu hướng tăng cao trong 04 ngày qua. Trong ngày, ghi nhận nhiều nhất tại các phường Bửu Hòa (88), Long Bình Tân (37), Quang Vinh (36), Tam Phước (28), Tân Hiệp (22), Tân Vạn (21) Tân Biên (20) – Biên Hòa; thị trấn Hiệp Phước (59) – Nhơn Trạch; xã Bắc Sơn

(35), Sông Trầu (34), Hồ Nai 3 (28) – Trảng Bom; xã Thạnh Phú (45) – Vĩnh Cửu.

- Ghi nhận một số trường hợp dương tính sau khi về từ các bệnh viện tuyến tính như BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Nhi đồng.

- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 77,93%

IV. Kiến nghị

- Các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện nghiêm việc giãn cách trong các khu phong tỏa. Thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ trên địa bàn để thu hẹp vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

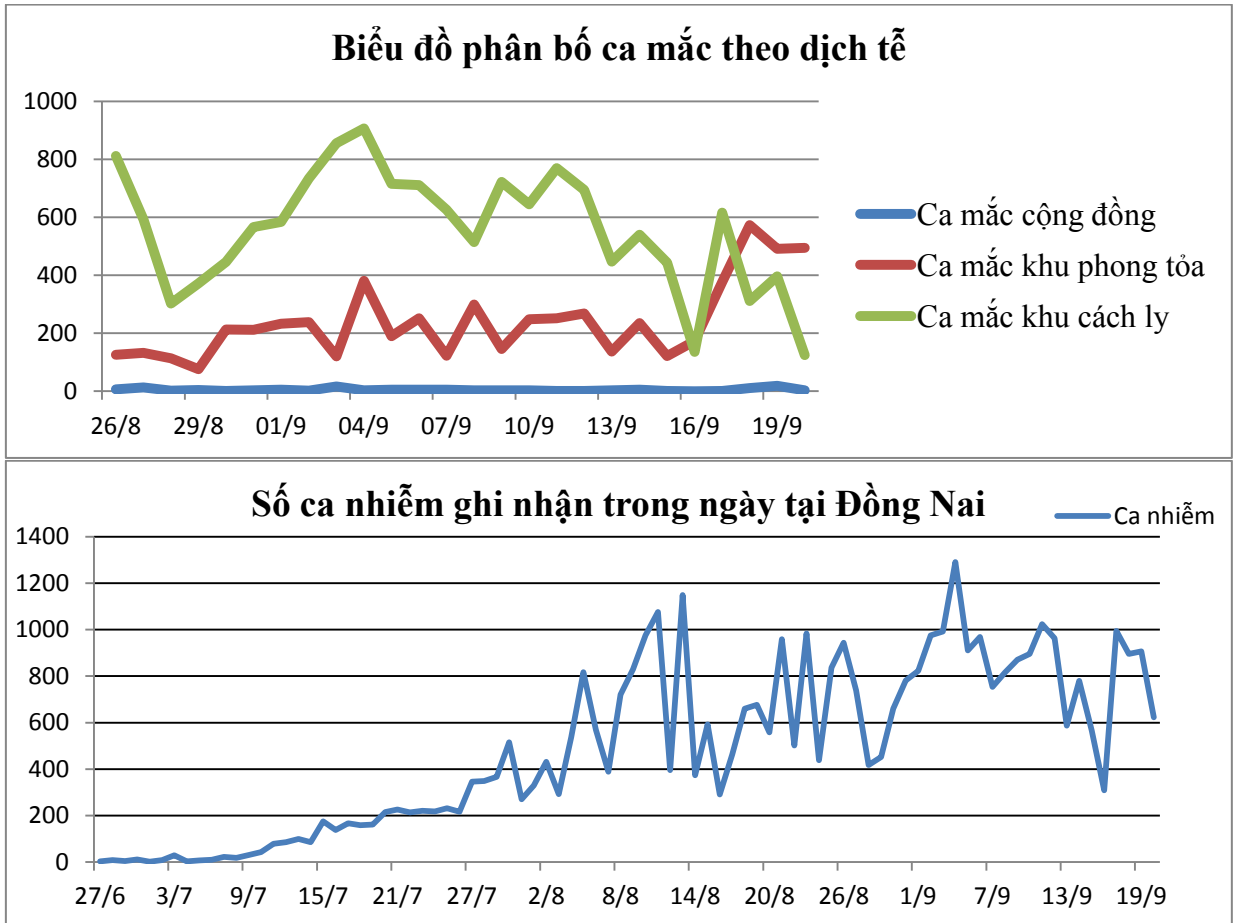
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCD tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	341	19,2%	3	56	282	16.238
2	Nhon Trạch	109	-50,9%	0	42	67	10.106
3	Vĩnh Cửu	45	-72,2%	0	0	45	9.185
4	Trảng Bom	122	-43,8%	0	22	100	3.211
5	Long Thành	5	-	0	5	0	847
6	Thống Nhất	1	-87,5%	0	0	1	476
7	Long Khánh	0	-	0	0	0	328
8	Xuân Lộc	0	-	0	0	0	281
9	Định Quán	0	-100,0%	0	0	0	257
10	Cẩm Mỹ	0	-	0	0	0	198
11	Tân Phú	0	-	0	0	0	22
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-100,0%	0	0	0	329
Tổng cộng		623	-31,2%	03	125	495	41.478



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng			Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó		
					Cộng Đồng		Khu nhà trọ	Doanh nghiệp	
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (19)									
1	Biên Hòa	192	3	36	153				
1.1	<i>An Bình</i>	7		1	6				
1.2	<i>Hóa An</i>	0							
1.3	<i>Long Bình</i>	6		6					
1.4	<i>Long Bình Tân</i>	38		1	37				
1.5	<i>Phước Tân</i>	9		9					
1.6	<i>Quang Vinh</i>	36			36				
1.7	<i>Tam Phước</i>	28			28				
1.8	<i>Tân Biên</i>	39		19	20				
1.9	<i>Tân Hiệp</i>	22			22				
1.10	<i>Tân Phong</i>	3	3						
1.11	<i>Trung Dũng</i>	4			4				
2	Long Thành	3	0	3	0				
2.1	<i>An Phước</i>	1		1					
2.2	<i>TT Long Thành</i>	2		2					
3	Nhơn Trạch	69	0	10	59				
3.1	<i>Hiệp Phước</i>	59			59				
3.2	<i>Phước Thiện</i>	10		10					
4	Trảng Bom	80	0	18	62				
4.1	<i>Hố Nai 3</i>	40		12	28				
4.2	<i>Sông Trầu</i>	40		6	34				

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	T.T.P	1972		BVTN	Phường Bửu Long, Biên Hòa	19/9/21	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS CoV 2 biến chứng ARDS – Tăng huyết áp
02	N.T.X		1965	BVTN	Long Bình- Thành phố Biên Hòa	20/9/21	Bệnh Covid 19- Viêm phổi mức độ nguy kịch biến chứng ARDS – Sốc nhiễm khuẩn – Suy đa phủ tạng
03	L.V.H	1957		BVTN	khu phố 6, Thị Trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu	19/9/21	viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS coV 2 bội nhiễm, tăng huyết áp, xơ gan Child Pugh C, COPD, đái tháo đường type 2
04	T.T.L	1954		BVTN	Khu phố 5- Hồ Nai- Biên Hòa	19/9/21	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS CoV 2 biến chứng ARDS- Suy đa cơ quan - Xuất huyết tiêu hóa trên - Tắc động mạch phổi cấp/ ĐTĐ II
05	T.T.T.D		1983	Lâu 12/ BVDN	TTG Tân Hiệp, Biên Hòa	19/9/21	Ngưng tim hồi sức không thành công- Viêm phổi nặng do Sars CoV 2
06	N.T.B		1957	BVDN	P. Long Bình Tân, TP BH	20/9/20 21	Ngưng tim hồi sức không thành công- / Choáng nhiễm trùng từ phổi/Viêm phổi nặng do Sars CoV 2

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.217	308	8.152	8	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	118,66%
Đợt 4	340.676	299.110	41.566	1.823	8	316.160	107,75%
Đợt 5	172.175	146.282	25.893	875	0	157.000	109,67%
Đợt 6	278.583	275.990	2.593	9	0	265.210	105,04%
Đợt 7	670.442	669.488	954	6.675	0	686.590	97,65%
Đợt 8	310.904	298.121	12.783	288	0	307.250	101,19%
Đợt 9	4.065	3.863	202	0	0	515.500	0,79%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	100,00%
Tổng cộng	1.862.564	1.756.690	105.874	26.777	24	2.320.040	80,28%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tür vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 5 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận	
									Chuyển viện	Tür vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)						Không triệu chứng
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	6	0	2	1	35		130		9		23	3			1			5	
2	BVTN/TTHSTC	400	200	13	0	1	4	112	102	155	13	23	5	31	35			1		82	30	88
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	3	0	0	12	52	34	18	0	1	1	10	0	0	1	0	3	2	28

4	BVĐKKVLT	100	100	2	0	1	0	30	41	33	0	10	4	0	16	0	0	0	0	25	5	70
5	BV Nhi ĐN	20	10					0														
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Phôi																					
8	BV QTCTCH SG-ĐN																					
9	BV Đồng Nai 2	10	9	0	0	1	0	9	100	0	99	5	0	0	4	9	0	0	0	1	8	1
10	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu																					
11	BV Cao su Đồng Nai																					
Tổng cộng (tầng 3)		730	410	22	3	5	5	189	296	352	130	47	10	55	68	9	0	3	0	111	45	221

TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	0	13	0	0	179	20	1	941	1	0	0	4	102	77	3	9	161	3	106
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	350	14	0	1	0	260	83	0	887	0	0	0	7	105	150	7	16	130	15	70
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	23	0	1	0	511	59	0	1399	0	0	0	18	50	421	11	19	423	88	-11
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	36	0	0	0	339	62	0	1173	0	0	0	7	59	280	0	43	302	5	6
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	33	0	0	0	194	31	0	876	0	0	0	8		124	3	34	12	18	118
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	106	86	0	0	699	90	0	3539	0	0	0	36	234	429	16	52	615	19	311
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	2	0	0	0	687	112	1	2163	0	0	0	9	311	358	12	50	604	21	13
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	62		2	0	669	31	0	1095	0	0	0	19	179	471	9	64		16	-34
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	0	74	0	0	418	18	0	1161	0	0	0	12	192	214	5	30	370	5	244
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	67	0	1	0	750	48	0	1487	0	0	0	24	110	640	3	58	672	20	57
11	Bệnh viện Da liễu	150	150	0	12	0	0	114	21	0	423	0	0	0	4	28	82	0	11	101	5	10
12	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	8	3	4	1	69	85	13	153	2	0	0	32	12	10	7	0	15	14	5
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	3	0	2		57				1			3	27	26		19	37	1	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	1	14	0	0	86	0	0	65	0	0	0	16	70	0	2	1		18	64
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	0	15	3	0	8	0	0	0	2	3	12	0	1	0	0	15
16	Bệnh viện Phôi	60	11	0	0	0	0	3	0	3	0	1	0	0	1	1	2	0	0	0	1	
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	67	8	1	0	0	67	100	0	99	5	0	0	4	43	24	3	4	38	22	0
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	4		1		26	93	0	74	0			3	11	12	0	5	10	0	9

19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	2	6	0	0	50	24	1	60	0	0	0	0	36	14	2	1	47	0	15
20	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	12	0	1	0	0	11	9	0	25	0	0	0	3	8	4	1	0	6	2	1
21	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	10	1	0	0	286	1	0	1	0	0	0	0	204	82	0	0	275	11	0
Tổng cộng (tầng 2)		7127	6344	369	210	12	1	5153	889	19	15628	10	0	0	212	1581	3350	84	417	3543	273	1191

TẦNG 1

1	Biên Hòa	4234	3778	140	108	20	0	2920	725	12	3033	0	0	0	17	1088	1750	18	216	2422	401	718
2	Long Khánh	432	432	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	430
3	Vĩnh Cửu	5790	5660	126	181	5	0	1591	1204	3	4667	0	0	0	0	77	1514	12	95	1496	13	2589
4	Định Quán	100	89	0	12	0	0	10	42	0	68	0	0	0	0	8	2	0	0	10	0	78
5	Tân Phú	60	60	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60
6	Trảng Bom	876	871	93	46	17	0	554	1023	1	1162	0	0	0	0	66	488	7	34	509	4	292
7	Thống Nhất	130	140	2	0	0	0	16	41	0	0	0	0	0	0	0	16	1	2	15	1	120
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	0	0	0	0	10	2	0	22	0	0	0	0	2	8	0	0	6	0	190
10	Long Thành	250	250	16	7	1	0	122	31	0	475	0	0	0	0	0	118	1	14	118	4	132
11	Nhơn Trạch	3230	3210	179	269	5	0	1862	0	0	0	0	0	0	35	100	1727	23	132	1704	26	1348
	TỔNG CỘNG (Tầng 1)	15602	14690	556	623	48	0	7018	3068	16	9431	0	0	0	52	1341	5625	62	493	6282	449	7672
	TỔNG TẦNG (3+2+1)	23459	21444	947	836	65	6	12360	4523	387	25189	57	10	55	332	2931	8975	149	910	9936	767	9084